TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Minh Hiền
2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 364/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu O - sinh năm 1975
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Tp. Hồ Chí Minh.
(Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn L.A – Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.
(Có mặt)
Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T - sinh năm 1972
Địa chỉ: Đường C, Phường K, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
(Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Huỳnh Trung H – Văn phòng Luật sư TQ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC
Trụ sở: đường M , Phường R, Quận S, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức danh: Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh N – sinh năm 1988
(Văn bản ủy quyền số 1255/UQ-QLN.18 ngày 19/12/2018)
Địa chỉ chi nhánh: Đường V, Phường F, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các buổi làm việc, nguyên đơn - bà Võ Thị Thu O trình bày: Bà và ông Nguyễn Phước T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78/P8, quyển số 1/2001 ngày 04/4/2001.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bên gia đình bà O tại địa chỉ đường B, Phường C quận T. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi, ông T không chịu đi làm và đưa đón con cái, mỗi lần cãi nhau ông T thường xuyên bỏ đi khỏi nhà một thời gian mới về. Từ năm 2015 ông T bỏ đi vợ chồng sống ly thân đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn đối với ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Ngọc Thụy Q – sinh ngày 27/01/2004. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung : Bà O khai vợ chồng có khoản nợ chung tại ngân hàng AC – chi nhánh T số tiền 2.375.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phước T trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống và kết hôn đúng như bà O trình bày. Ông thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau lý do là vì việc bà O và gia đình bên vợ không tôn trọng ông, bà O còn có những mối quan hệ thân thiết với người đàn ông khác. Ông là người thường xuyên đưa đón con đi học nhưng từ năm 2016 bà O ngăn cản không cho ông đưa rước con nên ông mới không làm. Ông xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O.

-Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Ngọc Thụy Q – sinh ngày 27/01/200. Ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, do hiện ông đã lớn tuổi, chưa có việc làm và bị bệnh nên hoàn cảnh khó khăn, ông không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà O được. Nếu bà O vẫn yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con ý thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ngày 20/7/2018 ông Nguyễn Phước T có đơn yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, gồm các tài sản sau: Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3197, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140772, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02341 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140773, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02339 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); 01 xe tải có mui, nhãn hiệu ISUZU, biển số

54U-3016, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-073.67, tải trọng 3800kg;01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-1043, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0892, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0972, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-950.06, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57L-9310, tải trọng 480kg; 01 máy xúc, biển số 50LA-1540.

- Về nợ chung : ông T khai không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC do ông Trần Thanh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng với công ty TNHH MTV TM SX Vật liệu xây dựng Thu O do bà Võ Thị Thu O làm giám đốc đại diện, tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là nhà và đất tại Đường B, Phường C, quận T, hiện nay khách hàng vẫn trả nợ bình thường, Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa bà O và ông T.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Võ Thị Thu O vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: bà O yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Ngọc Thụy Q – sinh ngày 27/01/2004, không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà O xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Phước T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O.

Về con chung: ông Tài đồng ý giao 2 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tài không cấp dưỡng nuôi con vì khả năng thu nhập của ông không đủ.

Về tài sản chung: ông T xin rút lại đơn yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì ông và bà O tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: ông T xác định không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC do ông Trần Thanh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn được ly hôn với ông Nguyễn Phước T, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, về tài sản chung đã tự thỏa thuận giải quyết, về nợ chung là không có.

Người bảo vệ và lợi ích hợp pháp của Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn do Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn đồng ý giao 02 con chung cho Nguyên đơn nuôi dưỡng, Bị đơn không cấp dưỡng nuôi con do không có khả năng; Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung là không có. Xem xét yêu cầu rút đơn yêu cầu chia tài sản chung của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: ghi nhận bà O và ông T thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung: Giao cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Ngọc Thụy Q – sinh ngày 27/01/2004, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà O không yêu cầu; Về quan hệ tài sản chung: các bên tự thỏa thuận giải quyết và nợ chung: không có. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do ông T rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị Thu O có đơn yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Phước T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định pháp luật.

Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét ý kiến trình bày của Bị đơn ông Nguyễn Phước T tại phiên tòa xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, là : Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3197, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140772, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02341 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140773, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02339 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); 01 xe tải có mui, nhãn hiệu ISUZU, biển số 54U-3016, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đỗ nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-073.67, tải trọng 3800kg; 01 xe tải tự đỗ nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-1043, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0892, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0972, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-

950.06, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đổ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57L-9310, tải trọng 480kg; 01 máy xúc, biển số 50LA-1540.

Xét việc Bị đơn xin rút yêu chia tài sản chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Phước T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số78/P8, quyển số 1/2001 do Ủy ban Nhân dân Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2001 thì hôn nhân của bà O và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về quan hệ hôn nhân: theo bà O trình bày cùng lời thừa nhận của ông T thì trong quá trình chung sống, bà O và ông Tài thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau làm ảnh hưởng đến hàng xóm địa phương, vợ chồng sống ly thân với từ năm 2015 cho đến nay, nhận thấy thời gian sống cách biệt đã không còn tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T và tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của bà O, ông T có thể thấy giữa hai bên đã có mâu thuẫn, việc cả hai thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài thì việc duy trì, kéo dài hôn nhân giữa hai bên sẽ gây thêm mâu thuẫn cho cả hai. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải tôn trọng nhau nhưng giữa bà O và ông T đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay bà O ông T thống nhất thuận tình ly hôn Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

Về con chung và mức cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, bà O ông T thống nhất giao 2 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tài không cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của ông T và bà O là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Đ và trẻ Q nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà O về việc nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài chung : Bà O và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O và ông T xác định không có. Ngân hàng Thương mại cổ phần AC không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn bà Võ Thị Thu O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai số 0008172 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Bị đơn ông Nguyễn Phước T được nhận lại số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037015 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Phước T về yêu cầu chia tài sản chung là : Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3197, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140772, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02341 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); Quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) tọa lạc tại thửa đất số 3193, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 140773, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H02339 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2009); 01 xe tải có mui, nhãn hiệu ISUZU, biển số 54U-3016, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-073.67, tải trọng 3800kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-1043, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0892, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57M-0972, tải trọng 480kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số 51C-950.06, tải trọng 1450kg; 01 xe tải tự đỗ, nhãn hiệu SUZUKI, biển số 57L-9310, tải trọng 480kg; 01 máy xúc, biển số 50LA-1540, do ông Nguyễn Phước T có rút yêu cầu, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

II/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu O và ông Nguyễn Phước T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Ngọc Thụy Q – sinh ngày 27/01/2004. Giao trẻ Đ và trẻ Q cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Phước T do bà O không yêu cầu.

Ông Nguyễn Phước T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà O, ông T xác định không có.

III/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Võ Thị Thu O nộp, được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai số 0008172 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Phước T số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037015 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

IV/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- UBND Phường K, quận T
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm